

Bản án số: 140/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 – 5 – 2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Dũng Liêm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Văn Chuông.

Bà Ngô Hồng Dưỡng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn C, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp B, xã Quách P, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Kiều D, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn anh Lê Văn C trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị D chung sống với nhau năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống đến năm 2012 anh chị phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, anh chị đã ly thân từ ngày 27/02/2012 đến nay. Nay anh nhận thấy cuộc sống không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu xin ly hôn với chị D.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

*Đối với chị Nguyễn Kiều D:* Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị D nhưng chị không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của anh C và không tham gia hòa giải, xét xử.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Kiều D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Anh C và chị D chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Theo anh C xác định quá trình chung sống đến năm 2012 anh chị phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, anh chị đã ly thân từ ngày 27/02/2012 đến nay, từ nguyên nhân trên nên anh yêu cầu xin ly hôn với chị D. Đối với chị D không có ý kiến phản đối yêu cầu xin ly hôn của anh C cho thấy chị không có nguyện vọng để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho anh C được ly hôn với chị D là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh C xác định không có. Chị D không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh C phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Lê Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Kiều D.
2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011934 ngày 26/01/2022 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Đầm Dơi, anh C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Q, huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Hồ Dũng Liêm**



